

BỘ KHOA HỌC, CÔNG
NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Số: 825/2000/TT-
BKHCNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 5 năm 2000

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành Nghị định số 12/1999/NĐ-CP ngày 6/3/1999

về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

Thi hành Điều 23 Nghị định số 12/1999/NĐ-CP ngày 6/3/1999 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp (sau đây viết tắt là "Nghị định"), Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn cụ thể một số điểm để thi hành Nghị định.

I. ĐỐI TƯỢNG, NGUYÊN TẮC XỬ PHẠT; ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

1. Đối tượng xử phạt

Đối tượng xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp được quy định tại khoản 2 và 3 Điều 2 Nghị định và phải tuân theo quy định tại Điều 5 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 6.7.1995 (sau đây gọi tắt là "Pháp lệnh").

1.1. Theo các quy định đó, mọi đối tượng hội đủ các điều kiện sau đây đều bị xử phạt theo Nghị định:

- Cá nhân từ 16 tuổi trở lên hoặc tổ chức và các chủ thể khác;
- Thực hiện một trong các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến sở hữu công nghiệp quy định tại Chương 2 Nghị định (bất kể việc thực hiện đó là cố ý hay vô ý) và hành vi đó không có yếu tố cấu thành tội phạm;
- Hành vi vi phạm hành chính nói trên được thực hiện tại lãnh thổ Việt Nam;
- Hành vi vi phạm hành chính nói trên được thực hiện trong thời hiệu quy định tại Điều 4 Nghị định.

1.2. Theo các quy định trên, cá nhân từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi mà thực hiện hành vi vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp một cách cố ý tại địa điểm và trong thời gian nói trên cũng bị xử phạt theo Nghị định.

1.3. Cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp tại Việt Nam cũng bị xử phạt theo Nghị định, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà cả Việt Nam và nước mà tổ chức, cá nhân đó mang quốc tịch đều tham gia có quy định khác. Trong trường hợp này, việc xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo Điều ước quốc tế nói trên.

2. Nguyên tắc xử phạt

Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp phải tuân theo các quy định và nguyên tắc xử phạt tại Điều 3 Pháp lệnh và tại Điều 3 Nghị định. Khi áp dụng các nguyên tắc đó cần lưu ý những vấn đề sau đây.

2.1. Nguyên tắc đúng thẩm quyền

Chỉ những người có thẩm quyền quy định tại Chương 3 Nghị định mới được ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp với hình thức và mức phạt trong phạm vi thẩm quyền quy định. Không được phép tách một vi phạm thành nhiều vi phạm nhỏ hoặc gộp nhiều vi phạm nhỏ thành một vi phạm lớn hơn nhằm mục đích thay đổi thẩm quyền xử phạt.

2.2. Nguyên tắc đúng đối tượng

Mọi đối tượng đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp nêu tại điểm 1 Thông tư này đều bị xử phạt theo Nghị định. Những đối tượng không thuộc các trường hợp nêu tại điểm đó đều không bị xử phạt theo Nghị định.

Một đối tượng thực hiện nhiều hành vi vi phạm thì người đó bị xử phạt về từng hành vi vi phạm. Nhiều đối tượng cùng thực hiện một hành vi vi phạm thì mỗi đối tượng đều bị xử phạt.

2.3. Nguyên tắc đúng mức độ

Hình thức, mức độ xử phạt hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp phải phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm. Tuy nhiên, khi xác định hình thức và mức xử phạt, cần phải xem xét thêm về nhân thân và những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để có quyết định phù hợp.

2.4. Nguyên tắc kịp thời, triệt để

Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền và nghĩa vụ phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp. Các phát hiện đó phải được thông báo cho những người có thẩm quyền xử phạt hành chính. Khi nhận được thông báo hoặc yêu cầu xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, người có thẩm quyền phải xúc tiến ngay các thủ tục cần thiết để bảo đảm đình chỉ ngay việc vi phạm và khắc phục hậu quả.

2.5. Nguyên tắc đúng thủ tục

Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp phải được tiến hành theo đúng thủ tục quy định tại các Điều từ 45 đến 56 Pháp lệnh và các Điều từ 14 đến 20 Nghị định.

3. áp dụng các quy định pháp luật về sở hữu công nghiệp

Khi thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, người có thẩm quyền xử phạt không những phải căn cứ vào các quy định của Pháp lệnh và Nghị định mà còn phải căn cứ vào các quy định về nội dung, thủ tục bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp nêu tại Chương 2 Phần VI Bộ luật dân sự năm 1995, cũng như các quy định khác liên quan nêu tại Nghị định số 63/CP ngày 24.10.1996 của Chính phủ quy định chi tiết về sở hữu công nghiệp (sau đây viết tắt là "Nghị định 63/CP"), Thông tư số 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996 và Thông tư này của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

II. XÁC ĐỊNH CÁC HÀNH VI VI PHẠM LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

4. Phạm vi hướng dẫn

Các Điều 5, 6, 7, 8 , 9 Chương 2 Nghị định quy định năm loại hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp. Các quy định đó đã đủ rõ ràng để thi hành và áp dụng. Sau đây chỉ hướng dẫn, giải thích thêm về việc xác định các loại vi phạm liên quan trực tiếp đến quyền sở hữu công nghiệp cụ thể (Điều 5, Điều 6, Điều 9).

5. Loại hành vi vi phạm liên quan đến quá trình xác lập, thực hiện quyền sở hữu công nghiệp và làm thủ tục cấp phép (hoặc đăng ký) hoạt động dịch vụ đại diện sở

hữu công nghiệp (Điều 5 Nghị định)

Đặc điểm chung của loại hành vi vi phạm này là người vi phạm cố ý sử dụng các biện pháp không trung thực nhằm lợi dụng chế độ bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp để trục lợi hoặc để che giấu các hành vi vi phạm pháp luật khác. Sau đây là một số thể hiện về một số hành vi thuộc loại này.

5.1. Hành vi tiến hành thủ tục xác lập quyền, thực hiện quyền sở hữu công nghiệp để lẩn tránh hoặc thực hiện các hành vi trong các lĩnh vực khác bị pháp luật cấm hoặc hạn chế (Điều 5.1.a). Những hành vi sau đây thuộc dạng vi phạm này: mượn có việc phải thanh toán lệ phí khi tiến hành đăng ký quyền sở hữu công nghiệp ở nước ngoài hoặc phải thanh toán tiền mua li-xăng của nước ngoài để chuyển ngân ra nước ngoài; hoặc tạo ra các cuộc thanh toán giả dưới danh nghĩa chuyển giao, chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp v.v.

5.2. Hành vi tiến hành thủ tục xác lập quyền, thực hiện quyền sở hữu công nghiệp nhằm mục đích cạnh tranh không lành mạnh, độc quyền, khống chế thị trường một cách bất hợp pháp, thủ tiêu đối tượng sở hữu công nghiệp, hạn chế hoặc thu hẹp phạm vi bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp của người khác, lợi dụng hoặc hạ thấp uy tín thương mại của cơ sở sản xuất kinh doanh khác (Điều 5.1.b). Những hành vi sau đây thuộc dạng vi phạm này:

- a. Lợi dụng việc đăng ký quyền sở hữu công nghiệp để khiếu nại, tố cáo một cách thiếu căn cứ nhằm cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của người khác;
- b. Mở rộng một cách thiếu căn cứ phạm vi bảo hộ khi tiến hành các thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp bằng cách cố ý không cung cấp các thông tin mà mình biết hoặc có nghĩa vụ phải biết cho cơ quan có thẩm quyền dẫn tới việc xác định không đúng về tình trạng đã biết liên quan đến đối tượng được bảo hộ, từ đó khống chế, cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của người khác;
- c. Mua quyền sở hữu công nghiệp (chẳng hạn mua li-xăng) nhằm mục đích thủ tiêu khả năng cạnh tranh của người khác để tiến tới độc quyền khống chế thị trường;
- d. Tiến hành các thủ tục đăng ký quyền sở hữu công nghiệp không phải nhằm để sử dụng mà chỉ để ngăn chặn người khác sản xuất, kinh doanh liên quan đến đối tượng

được đăng ký....

6. Loại hành vi vi phạm quy định về các chỉ dẫn liên quan đến sở hữu công nghiệp (Điều 6 Nghị định)

Loại hành vi này vi phạm các quy định tại Điều 54 và Điều 66 Nghị định 63/CP và gây hậu quả ảnh hưởng đến lợi ích của người tiêu dùng.

6.1. Hành vi chỉ dẫn sai về chủ sở hữu công nghiệp (Điều 6.1.a)

Điều 66 Nghị định 63/CP quy định chỉ có chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp (chủ sở hữu công nghiệp) và chỉ trong thời hạn bảo hộ mới được nêu các chỉ dẫn rằng sản phẩm được bảo hộ hoặc thuộc độc quyền của mình (kể cả chỉ dẫn dưới dạng ký hiệu) trên sản phẩm, khi quảng cáo hoặc khi giao dịch nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp không phải là chủ sở hữu công nghiệp mà ghi như vậy thì việc ghi chỉ dẫn đó thuộc dạng hành vi vi phạm này.

Để xác định hành vi có phải là hành vi vi phạm thuộc dạng này hay không, cần phải xác định chủ sở hữu công nghiệp theo hướng dẫn nêu tại điểm 7.2. Thông tư này.

6.2. Hành vi chỉ dẫn sai về việc sản phẩm, dịch vụ có yếu tố được bảo hộ (Điều 6.1.b)

Các hành vi sau đây thuộc dạng hành vi vi phạm này:

In trên hàng hoá, bao bì hàng hoá hàng chữ "nhãn hiệu đã đăng ký" hoặc "nhãn hiệu đó đã được bảo hộ" hoặc "nhãn hiệu thuộc độc quyền của...", kể cả việc in ký hiệu ơ (là ký hiệu được dùng rộng rãi nhằm để chỉ rằng nhãn hiệu đã được đăng ký); hoặc in trên sản phẩm các chỉ dẫn tương tự để nhằm nói rằng sản phẩm được bảo hộ là sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, kể việc in ký hiệu "P kèm theo các con số" (là ký hiệu được dùng rộng rãi để chỉ dẫn rằng sản phẩm được cấp Patent- Bằng độc quyền sáng chế)... nhưng sự thực không phải là như vậy.

Để xác định hành vi có phải là hành vi vi phạm dạng này hay không, cần phải xác định đối tượng bảo hộ theo hướng dẫn tại điểm 7.2. Thông tư này.

6.3. Hành vi chỉ dẫn sai về việc sản phẩm, dịch vụ được sản xuất, thực hiện theo li-xăng (Điều 6.1.d)